

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH CNGTVT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
(Kèm theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	3			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		3,80	4	80
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	3			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,94	45	90



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

(Kèm theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học trình độ thạc sĩ. Chuẩn đầu ra thể hiện được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin và được rà soát, cập nhật, điều chỉnh định kỳ. Đề cương chi tiết học phần được thiết kế theo mẫu thống nhất có đầy đủ thông tin, được rà soát điều chỉnh theo quy định chung của Trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau; được phổ biến trực tiếp đến người học từ đầu khoá học và khi bắt đầu giảng dạy học phần. Các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT.

3. Chương trình dạy học được thiết kế theo chuẩn đầu ra, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo. Đề cương học phần có mô tả việc sử dụng phương pháp giảng dạy khác nhau như dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, các phương pháp kiểm tra đánh giá gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Chương trình dạy học được bố trí hợp lý, đảm bảo tính kế thừa và tích lũy kiến thức đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Đề cương chi tiết học phần mô tả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần nhằm đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát điều chỉnh, bổ sung cập nhật có tham khảo các CTĐT của các trường đại học trong nước và nước ngoài, thể hiện được tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức, được phổ biến đến giảng viên, người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Giảng viên, người học hiểu rõ và ứng dụng triết lý giáo dục vào hoạt động của mình. Người học được giảng viên hướng dẫn các hoạt động học tập phù hợp với từng chương, chủ đề từng chuẩn đầu ra của học phần giúp người học chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt chuẩn đầu ra. Người học và giảng viên hài lòng với các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập được sử dụng trong CTĐT. Đề cương chi tiết học phần quy

định thời gian tự học, giảng viên rèn luyện cho người học kỹ năng tự học và tìm kiếm tài liệu để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Hệ thống các quy định, quy trình và kế hoạch đánh giá kết quả học tập đầy đủ và rõ ràng, có nội dung hướng dẫn thiết kế đề thi, kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra. Đề cương chi tiết học phần nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các tài liệu quy định về thời gian, hình thức, phương pháp trọng số và cơ chế phản hồi kết quả học tập được thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, được phổ biến cho người học trước mỗi khóa học, kỳ học. Quy chế đào tạo và kiểm tra đánh giá quy định rõ cơ chế phản hồi kết quả học tập và phổ biến đến giảng viên và người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập; Tỷ lệ phúc khảo rất thấp; người học hài lòng với thủ tục khiếu nại kết quả học tập.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn được thực hiện đạt mức 1,8 lượt/năm. Loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và cấp Trường, có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch, phát triển có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng, được công bố công khai. Năng lực nhân viên được quy định rõ ràng và được đánh giá. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được khảo sát và xác định định kỳ làm cơ sở xây dựng và triển kế hoạch hằng năm. Nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn được tổ chức, với kinh phí đảm bảo, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ. Quản trị theo kết quả công việc được triển khai toàn diện; nhân viên có bản mô tả công việc, kế hoạch học kỳ, được giám sát thường xuyên. Quy định khen thưởng, công nhận được thực hiện khách quan; tỷ lệ hài lòng cao, không phát sinh khiếu nại trong chu kỳ đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đào tạo trình độ ThS được Nhà trường xác định rõ ràng và thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm. Trường phân công rõ trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học, tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm cho người học. Trường triển khai thực hiện được khá nhiều hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học được người học đào tạo trình độ ThS quan tâm. Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và

thực hiện các biện pháp đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ và các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ không gian và trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu với diện tích xây dựng là 4.26 m²/người học. Thư viện đầy đủ phòng đọc và các phòng chức năng, có đầy đủ học liệu và sử dụng phần mềm quản lý; Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống phòng thực hành phục vụ CTĐT có các phòng thực hành chung và chuyên ngành đặc thù. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm hỗ trợ công việc cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Một số quy định về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xây dựng và ban hành; phân công chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lý triển khai thực hiện.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra; giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Tỷ lệ người học thôi học thấp, thời gian tốt nghiệp trung bình của các người học đã tốt nghiệp có xu hướng giảm tới thời gian thiết kế; tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm có xu hướng tăng khá cao (từ 71,43 đến 100%); tỉ lệ có việc làm/số người học phản hồi khảo sát rất cao (100%). Nhà trường đã có kế hoạch và định hướng cho người học tham gia nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của ngành và với khả năng của người học; tỷ lệ người học tham gia nghiên cứu khoa học đạt 43%; Nhà trường đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ và tất cả các tiêu chí khảo sát đều rơi vào vùng hài lòng hoặc rất hài lòng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát và bổ sung mục tiêu CTĐT để phản ánh được nội hàm rõ nét nhất sứ mạng và tầm nhìn của Trường; rà soát lại phát biểu chuẩn đầu ra đảm bảo

sử dụng các động từ thang Bloom/tương đương, phù hợp với bậc năng lực cần đạt để tạo điều kiện cho hoạt động đo lường khi đánh giá chuẩn đầu ra, đảm bảo tương thích tốt nhất với năng lực của bậc thạc sỹ trong Khung trình độ quốc gia; nâng cao hiệu quả phổ biến chuẩn đầu ra đến các bên liên quan, đặc biệt là người học để họ chủ động xây dựng kế hoạch học tập đạt chuẩn đầu ra; xây dựng và triển khai các công cụ để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

2. Lấy ý kiến rộng rãi của các chuyên gia giáo dục đóng góp cho bản mô tả CTĐT; nghiên cứu các phiên bản mô tả khác nhau sử dụng phù hợp với các đối tượng khác nhau; rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần, cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định, đảm bảo các thông tin chính xác và cập nhật; khảo sát khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng để tăng hiệu quả của thông tin về CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

3. Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; tổ chức đánh giá định lượng về sự tương thích về nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng học phần để đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó cần phân tích các ý kiến đa chiều của các bên liên quan để xác định rõ mức độ tương thích và mức độ đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; nâng cao chất lượng công tác tập huấn xây dựng, thiết kế, lựa chọn các phương pháp dạy học; rà soát các chuẩn đầu ra của các chương/bài và ma trận liên kết với chuẩn đầu ra của học phần đảm bảo tính logic và hợp lý; rà soát, bổ sung, tích hợp các kiến thức về dữ liệu lớn, rủi ro truyền thông số, AI vào chương trình dạy học; nghiên cứu tích hợp các kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành trong các học phần chuyên ngành.

4. Ban hành văn bản hướng dẫn cách thức truyền tải triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy và học; rà soát lại mô tả phương pháp dạy học trong tất cả các đề cương chi tiết để đảm bảo sự đa dạng và phù hợp với từng loại chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; bổ sung các phương pháp gắn với mô phỏng tình huống, dự án, nghiên cứu tình huống, phản biện và học tập trải nghiệm; tập huấn cho giảng viên về lựa chọn và vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao năng lực thiết kế và triển khai phương pháp dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình; rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần đảm bảo cung cấp các năng lực để người học có thể đạt được khả năng học tập suốt đời gồm động lực học tập, kỹ năng thu nhận xử lý thông tin, tương tác tốt với mọi người; cần có các biện pháp để đo lường đánh giá năng lực này.

5. Ban hành hướng dẫn xây dựng rubric đo kiến thức - kỹ năng - mức tự chủ và trách nhiệm theo ma trận chuẩn đầu ra CTĐT - chuẩn đầu ra học phần, mẫu rubric chuẩn cho các dạng đánh giá (bài tập, thuyết trình, vấn đáp, dự án, thực hành, ...), kèm tập huấn và hiệu chuẩn chấm để đảm bảo giá trị và độ tin cậy trong hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý; đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo

lượng được mức độ đạt được của chuẩn đầu ra; ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn để triển khai việc đánh giá độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá để chuẩn hóa các đề thi; xây dựng ma trận đề thi, bổ sung các rubric vào đề cương chi tiết học phần; thực hiện phân tích phổ điểm; triển khai một nghiên cứu đánh giá mức độ phù hợp của các phương thức phản hồi kết quả học tập tới người học để có cơ sở khoa học cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng; nâng cao hiệu quả của phương pháp tuyên truyền phổ biến công khai về các quy định về phản hồi kết quả học tập cho người học.

6. Quy hoạch đội ngũ giảng viên theo ngành làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực; có lộ trình, kế hoạch thúc đẩy giảng viên đăng ký với Hội đồng chức danh Nhà nước đề nghị xét học hàm GS, PGS; bổ sung quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cho cụ thể hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ TS trở lên đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên; khảo sát đánh giá sau đào tạo của các khóa bồi dưỡng để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng; tăng cường việc đăng ký sở hữu trí tuệ, có hoạt động đổi mới sáng tạo nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; phát triển phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học tổng thể để thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá hàng năm của giảng viên.

7. Bổ sung nội dung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường; nâng cao chất lượng dự báo nhân lực, chú trọng cơ cấu và kỹ năng; có chính sách thu hút đội ngũ nhân viên, hoàn thiện chính sách đãi ngộ để thu hút nhân sự giỏi; thực hiện khảo sát người học, cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chuẩn hóa và lượng hóa rõ ràng hơn tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; hoàn thiện văn bản quy định về đánh giá, xếp hạng người lao động theo hướng tiếp cận năng lực; lượng hóa tiêu chí để có thể đo lường, tiến tới hoàn thiện và ban hành bộ chỉ số KPIs cho đội ngũ nhân viên; tăng cường đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm và chuyên môn đặc thù; triển khai đánh giá hiệu quả sau đào tạo bồi dưỡng; chuẩn hóa quy trình và biểu mẫu phân công, lập kế hoạch công việc cá nhân khối các phòng ban, phục vụ; xây dựng công cụ khoa học trong theo dõi, giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về quản trị kết quả công việc và cơ chế, kết quả khen thưởng, công nhận.

8. Tăng cường thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài Trường về chính sách và quy định tuyển sinh, về các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học đào tạo trình độ ThS để có đầy đủ thông tin nhằm điều chỉnh phù hợp hơn; tổ chức đánh giá, phân tích nguyên nhân tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu để có giải pháp khắc phục kịp thời; nghiên cứu, xây dựng quy định riêng cho người học đào tạo trình độ ThS được đầy đủ, phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo dành riêng cho đào tạo trình độ ThS; đổi mới các nội dung, hình thức tư vấn và hỗ trợ người học phù hợp hơn với người học đào tạo trình độ ThS, tạo điều kiện cho họ tham gia được thuận lợi; tổ chức Hội nghị/ Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học đào tạo trình độ ThS để có

giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng; nghiên cứu, bố trí thêm không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học; nâng cấp dung lượng và bổ sung thêm các điểm phát Wifi giúp cho việc truy cập thông tin được thuận lợi hơn.

9. Có phương án xây dựng và hoàn thiện phần diện tích đất/tòa nhà mới hoặc kế hoạch đào tạo hàng năm phù hợp giữa các cơ sở của Trường để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên tại cơ sở Hà Nội theo quy định; đầu tư vật lực, nguồn lực và có chính sách thực tế hơn nữa giúp khai thác hiệu quả các giá trị trong tiềm năng của Trung tâm Công nghệ thông tin – Thư viện, hoàn thiện việc liên kết thư viện các cơ sở của Trường với nhau và tăng cường liên kết của thư viện các trường Đại học trong và ngoài nước rộng rãi hơn, hướng tới Thư viện đại học theo Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT; thường xuyên bổ sung, cập nhật một số máy tính có cấu hình cao và phần mềm/trang thiết bị chuyên sâu đặc thù cập nhật để đáp ứng tốt hơn cho học tập và nghiên cứu của người học của ngành QTKD; cần lập trình và khai thác hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động của Trường (đào tạo, nghiên cứu khoa học...) có tính hệ thống cao hơn, có lộ trình xúc tiến nhanh để án chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành Đại học số, đại học thông minh; cần thiết kế lối đi ở một số địa điểm giành cho người khuyết tật (nhà ăn, giảng đường, nhà vệ sinh); cần tổ chức định kỳ khám sức khỏe ít nhất 1 lần/ năm và triển khai thực hiện tư vấn tâm lý cho người học.

10. Xây dựng, rà soát phát triển CTĐT nên tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành; sớm tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát. Nhà trường xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành 01 quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất. Khi dự giờ giảng, trong biên bản cần chỉ rõ các hạn chế của từng giảng viên với từng nội dung cụ thể để rút kinh nghiệm cho toàn thể các giảng viên trong bộ môn/khoa và Nhà trường (lưu ý phương pháp giảng dạy). Trong nghiên cứu khoa học cần lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT. Nên xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; có các giải pháp hiệu quả giảm tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn; kết nối với cựu người học và nhà sử dụng lao động nắm bắt tình trạng, vị trí việc làm và khả năng tự lập nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động; tiếp tục tăng tỷ lệ người học ngành QTKD tham gia nghiên cứu khoa học tới mức trên 50%; mở rộng các loại hình hoạt động và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp của người học; nâng cấp Bộ Tiêu chí đánh giá năng lực người học tốt nghiệp sát hợp với chuẩn

đầu ra CTĐT để có những đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng người học tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.